

LỚP TỪ CHỈ TÊN GỌI CÁ Ở ĐỒNG THÁP MƯỜI NHÌN TỪ GÓC ĐỘ ĐỊNH DANH

ThS TRẦN HOÀNG ANH*

Abstract: Applying the nomination-cognition theory in linguistics, the article points out the distinctions in names and ways of naming fishes in Dong Thap Muoi in comparison to those of the official Vietnamese language. These distinctions reflect dissimilarities in dividing the real world and selecting objects' characteristics; thus indicating different cultural features.

Key words: *nomination, fish, Dong Thap Muoi*

1. Nghiên cứu ngôn ngữ nói chung, phương ngữ nói riêng theo hướng tiếp cận mở, động, mang tính liên ngành, trong đó có hướng ngôn ngữ - văn hóa, đã thực sự mang đến một luồng sinh khí mới trong Việt ngữ học trong những năm gần đây. Đây là hướng tiếp cận không những cho thấy các đặc điểm ngôn ngữ mà còn có thể rút ra được những sắc thái văn hóa - ngôn ngữ - tư duy riêng, liên quan đến chủ nhân sử dụng ngôn ngữ đó.

Theo hướng tiếp cận mở có tính liên ngành này, người nghiên cứu có thể khảo sát đối tượng ngôn ngữ từ nhiều phương diện, nhiều cấp độ. Trong bài viết này người viết chỉ đề cập đến một khía cạnh rất nhỏ đó là vấn đề định danh thông qua lớp từ gọi tên cá ở vùng Đồng Tháp Mười. Sở dĩ chúng tôi chọn khảo sát vấn đề này là vì, đối với môi trường sinh tồn của cư dân vùng Đồng Tháp Mười, sông nước và gắn với nó là nguồn lợi thủy sản, trong đó đặc biệt là cá - chính là

yếu tố gắn bó mật thiết nhất đối với đời sống vật chất và tinh thần của người dân nơi đây. Từ góc độ ngôn ngữ, cá và tên gọi của cá vùng này chưa được nghiên cứu. Khảo sát tên gọi cá ở Đồng Tháp Mười để chỉ ra được đặc điểm ngôn ngữ của một lớp từ cụ thể đồng thời cũng cho thấy những dấu ấn về văn hóa, tư duy, cách nhận thức về thế giới khách quan của người dân vùng Đồng Tháp Mười.

Có thể nói định danh là một nhu cầu của ngôn ngữ, đúng hơn là nhu cầu của con người trước thế giới khách quan. "Con người cần đến các tên gọi các đối tượng xung quanh như cần đến không khí" [3, 167]. Theo *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học* thì định danh là "Sự cấu tạo các đơn vị ngôn ngữ có chức năng dùng để gọi tên, chia tách các đoạn của hiện thực khách quan trên cơ sở

* Giảng viên Khoa KHXH & NV, Trường Đại học Đồng Tháp.

đó hình thành những khái niệm tương ứng về chúng dưới dạng các từ, cụm từ, ngữ cú và câu” [13, 89]. Bài viết chỉ tìm hiểu vấn đề định danh trên cơ sở ngữ liệu *dưới dạng các từ, cụm từ*, còn *ngữ cú và câu* xin được bàn trong một dịp khác.

2. Đồng Tháp Mười nói riêng và Nam Bộ nói chung là một vùng đất có khí hậu nhiệt đới, lượng mưa lớn, độ ẩm ổn định quanh năm; hệ thống kênh rạch chằng chịt, diện tích rừng ngập lũ, ngập mặn rộng lớn (ước tính một triệu héc-ta hàng năm trong 2-4 tháng). Trong các vùng đất ngập nước ở vùng Đồng Tháp Mười, thì Vườn Quốc gia Tràm Chim được đánh giá là vùng có độ đa dạng nhất về các loại cá. Tháng 6 năm 2007, tổ chức Bảo tồn thiên nhiên thế giới (World Wildlife Fund - WWF) đã tiến hành khảo sát và phát hiện ở Tràm Chim hiện có 101 loài cá với nhiều tên gọi khác nhau [12, 20]. Những điều kiện thiên nhiên như trên thực sự là môi trường lí tưởng cho các loài động thực vật, đặc biệt là cá, sinh sống và phát triển. Đó cũng chính là nguồn lợi vô cùng quý giá cho cuộc sống con người. Dấu ấn về một vùng đất “*gao trắng nước trong*” còn in đậm trong ca dao, tục ngữ Nam Bộ viết về Đồng Tháp Mười:

- *Ai ơi về miệt Tháp Mười*

Cá tôm sẵn bắt, lúa trời sẵn ăn

- *Đất Tháp Mười cò bay thẳng cánh*

Nước Tháp Mười lấp lánh cá tôm

- *Tháp Mười lăm rạch nhiều kinh*

*Lắm tôm, nhiều cá, tràm xanh,
lúa vàng*

(Ca dao Nam Bộ)

Ngay từ buổi đầu đặt chân lên vùng đất mới, con người đã biết khai thác nguồn lợi ấy để mưu sinh. Cũng chính vì thế mà nghề cá là một trong những nghề truyền thống lâu đời, nổi tiếng của cư dân nơi đây. Trong quá trình lao động, họ đã quan sát, phân biệt và đặt tên cho những loài sinh vật trên vùng đất của mình theo cách tri nhận riêng, theo đặc điểm tâm lí riêng, đậm dấu ấn vùng miền. Riêng về tên gọi các loại cá, chúng tôi đã thu thập được 520 từ, gặp nhiều lần số từ chỉ cá (101 từ) trong *Từ điển tiếng Việt* [6, 95] và số từ chỉ cá (43 từ) trong *Từ điển từ ngữ Nam Bộ* [9, 256]. Trong bài viết này, chúng tôi không có ý định miêu tả đầy đủ tất cả các đặc điểm ngữ nghĩa của lớp từ ngữ này, mà chỉ tập trung đi vào lí giải những đặc điểm của đời sống, cách ứng xử, nhìn nhận của con người nơi đây về thế giới khách quan được phản ánh qua các từ ngữ là tên gọi của các loại cá.

Sự phong phú của lớp từ vựng chỉ các loại cá ở Đồng Tháp Mười trước hết phản ánh sự phong phú của thực tế môi trường sinh tồn của cá là sông ngòi, kênh rạch, ao hồ ở nơi đây. Đồng thời hệ thống tên gọi phong phú này còn cho thấy sự quan sát, tri nhận hiện thực, phân cắt đối tượng cụ thể theo những đặc trưng lựa chọn mang tính biệt loại rõ ràng theo một cách rất riêng của người Đồng Tháp

Mười. Cũng giống như người ở các địa phương khác khi định danh, người Đồng Tháp Mười thường căn cứ vào

đặc điểm của đối tượng. Có thể hình dung điều này một cách đơn giản như sau:

Yếu tố chỉ loại	Yếu tố phân loại		
	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
<i>cá</i>	<i>linh</i>		
<i>cá</i>	<i>linh</i>	<i>ria</i>	
<i>cá</i>	<i>linh</i>	<i>ria</i>	<i>lepto</i>
<i>cá</i>	<i>bống</i>		
<i>cá</i>	<i>bống</i>	<i>kèo</i>	
<i>cá</i>	<i>bống</i>	<i>kèo</i>	<i>váy to</i>

Khảo sát từ ngữ chỉ tên gọi các loại cá ở Đồng Tháp, chúng tôi thống kê được các dạng kết cấu định danh, được khái quát trong bảng sau:

Các dạng kết cấu trong định danh	Số lượng (từ)					Tỉ lệ (%)
Yếu tố chỉ loại (X)	5					0,97
Yếu tố phân loại (XY)	515					99,03
	Bậc 1		Bậc 2		Bậc 3	
	228	44,2%	272	52,8%	15 3%	
Tổng số	520					100

Bảng khảo sát trên cho thấy, từ chỉ tên gọi các loại cá chủ yếu định danh theo kết cấu hai yếu tố XY, định danh theo kết cấu một yếu tố X thường là những từ chỉ tên gọi khái quát: *cá, lươn, chạch,...*

Nhìn một cách tổng quát thì cấu trúc định danh của từ chỉ tên gọi cá ở vùng Đồng Tháp Mười chủ yếu được cấu tạo dựa trên cơ sở hai yếu tố: yếu tố chỉ loại và yếu tố phân loại. Trong 520 từ chỉ tên gọi cá ở Đồng Tháp Mười mà chúng tôi khảo sát được, chỉ có 5 từ là từ đơn (chiếm 0,97%). Số còn lại là từ ghép, trong đó phần lớn là các từ ghép phân nghĩa (514 từ chiếm 99,8%), chỉ có 1 từ ghép hợp nghĩa và không có từ láy. Đối với dạng kết cấu tên gọi XY, số lượng âm tiết tối đa tham gia vào cấu tạo tên gọi là 5 (trong đó có một âm tiết đầu tiên là yếu tố chỉ loại) như: *cá long tong*

lung thấp, cá bơn sọc phương Đông, cá lim kim nước ngọt, cá bống kèo váy to, ...; số lượng âm tiết tối thiểu là 2 như: *cá lóc, cá sặc, cá ngát, cá chót, cá trên, cá khoai, ...* Dù là 2, 3, 4 hay 5 âm tiết thì những tên gọi này đều có dạng cấu tạo khá giống với một cụm danh từ. Sau trung tâm là danh từ thì có thể là một danh từ, một động từ, một tính từ... giới hạn chỉ tính chất, đặc điểm của sự vật, hiện tượng được định danh. Yếu tố giới hạn đứng sau danh từ trung tâm có vai trò khu biệt, từ đó giúp định danh một cách rõ ràng đối tượng, chứ không dùng lại ở việc gọi tên một cách chung chung. Yếu tố này cũng thể hiện cách nhìn nhận, phân cắt, phản ánh hiện thực của chủ thể định danh.

Như vậy, khảo sát lớp từ chỉ các loại cá ở Đồng Tháp Mười, chúng tôi nhận thấy rất lí thú khi con người ở

đây không dừng lại ở tên gọi có ý nghĩa chỉ loài rất chung và khái quát mà trong ý niệm của họ có sự khu biệt về hình ảnh của các loại khác nhau trong loại lớn một cách rất cụ thể rõ ràng. Trong tư duy, cá được phân ra thành nhiều loại, nên mới có nhiều tên gọi khác nhau của một loài. Chẳng hạn đối với loài cá bống có đến 29 tên gọi khác nhau để gọi tên khu biệt 29 giống cá bống khác nhau như: cá bống bớp, cá bống cát, cá bống cát trắng, cá bống đen, cá bống đèn, cá bống dưa, cá bống dưa Xiêm, cá bống gia nét, cá bống hoa, cá bống kèo, cá bống kèo vảy nhỏ, cá bống kèo vảy to, cá bống lá tre, cá bống lau, cá bống mắt tre, cá bống mọi, cá bống mú, cá bống mूंn, cá bống rãnh vảy nhỏ, cá bống rãnh vảy to, cá bống rễ cau, cá bống thệ, cá bống trắng, cá bống trâu, cá bống trứng, cá bống tượng, cá bống vảy cao, cá bống vảy thấp, cá bống xệ. Hay đối với loài cá khác cũng vậy. Ngoài tên gọi chung là cá linh còn có 10 tên gọi khác về 10 loại khác nhau của loài cá này (cá linh cảm, cá linh gió, cá linh rìa, cá linh rìa lepto, cá linh tía, cá linh tròn, cá linh bàn, cá linh banh, cá linh ống, cá linh rổi). Tương tự, có 9 tên gọi khác nhau về 9 loại khác nhau trong loài cá sặt (cá sặt, cá sặt bán, cá sặt bướm, cá sặt điệp, cá sặt gám, cá sặt lò tho, cá sặt mú, cá sặt rần, cá sặt Trân Châu); có 8 tên gọi khác nhau về 8 loại của loài cá rô (cá rô, cá rô đầu vuông, cá rô đầu bự, cá rô mắt vàng, cá rô mè, cá rô đầu nhím, cá rô đồng, cá rô nuôi),...

Qua khảo sát tên gọi của một số loài giống cá, có thể nhận thấy rằng, người Đồng Tháp Mười ưa cách định danh sự vật thiên về tính cá thể hóa,

loại biệt hóa. Điều này khác với nhận định sau đây của tác giả Hồ Xuân Tuyên trong một bài viết về định danh sự vật liên quan đến sông nước ở Nam Bộ: “Trong định danh, nếu người Bắc Bộ quan tâm đến tính cụ thể, riêng biệt của đối tượng thì người Nam Bộ lại thiên về tính khái quát của đối tượng. Hay nói một cách khác, phương ngữ Nam Bộ gộp chung các tính chất, đặc điểm từ các đối tượng riêng lẻ vào trong một tên gọi duy nhất” [11, 65].

Ở đây chúng tôi không bàn về tính đúng sai của nhận định trên mà chỉ muốn nhấn mạnh rằng, nhận định trên tỏ ra không thích hợp với cách định danh của cư dân Đồng Tháp Mười đối với loài cá ở đây. Như nhận xét, theo chúng tôi, có sự đa dạng, phong phú về tên gọi trước hết là do sự đa dạng phong phú của bức tranh hiện thực được phản ánh vào ngôn ngữ. Ở vùng Đồng Tháp, cá là loài động vật gần gũi gắn bó với đời sống sinh hoạt hằng ngày của người dân nơi đây. Điều này cũng phù hợp với quy luật “tự nhiên nhi nhiên” trong định danh và tri nhận. Một mặt khác ta cũng thấy, trong đặc điểm tri nhận của con người, thế giới hiện thực có thể được phân cắt thành những mảnh, những đoạn cắt không giống nhau giữa các dân tộc, giữa các vùng. Do vậy tên gọi về đối tượng có thể khác nhau trong các ngôn ngữ cũng như giữa các vùng. Qua tên gọi của một số từ phái sinh có ý nghĩa định danh biệt loại như trên, chúng ta thấy sự phân cắt thế giới hiện thực thành những mảnh, những đoạn nhỏ như vậy không chỉ phản ánh thực tế phong phú của đối tượng, mà còn cho thấy đặc điểm tư duy, cách quan sát tỉ mỉ, cụ thể, tinh tường của chủ nhân đặt tên gọi đó.

Rõ ràng nghề cá là nghề truyền thống, phổ biến, lâu đời và có ảnh hưởng đến cuộc sống sinh tồn của người dân Đồng Tháp Mười. Nếu không phải thế thì làm sao các loại cá lại được phân loại và gọi tên một cách chi tiết, đa dạng nhưng lại hệ thống đến vậy. Và đằng sau sự phản ánh qua tên gọi đó là sự ẩn chứa thói quen, cách nhìn nhận sự vật, nếp tư duy mang tính cụ

thể của người dân Đồng Tháp Mười nói riêng và Nam Bộ nói chung vốn được xem là phóng khoáng, bộc trực.

3. Về cơ sở của việc định danh, nhìn chung cách định danh của người dân vùng Đồng Tháp Mười khá đa dạng. Qua khảo sát từ ngữ chỉ tên gọi các loại cá, chúng tôi nhận thấy có các kiểu định danh chủ yếu sau đây:

Các kiểu định danh	Số lượng (từ)	Tỉ lệ (%)
Định danh theo đặc điểm hình dáng	127	24,4
Định danh theo đặc điểm màu sắc	97	18,6
Định danh theo cách thức hoạt động	94	18,1
Định danh theo môi trường sống	49	9,4
Định danh theo thời kì sinh trưởng	33	6,3
Định danh dựa theo nguồn gốc	14	2,7
Định danh theo mục đích sử dụng	11	2,1
Định danh không rõ lí do	95	18,4
Tổng số	520	100

Có thể thấy phương thức định danh chủ yếu đối với tên gọi cá ở Đồng Tháp Mười là dựa vào đặc trưng hình thức, hình dáng của cá (127 tên gọi, chiếm 24,4%). Chẳng hạn *cá sen* (thịt bao bọc tầng lớp như gương sen, không có vảy), *cá ông lão* (lưng cong, hàm trên nhô ra, hàm dưới thụt vào như mõm ông lão), *cá xà* (loại cá hình dạng giống rắn, có râu, không vảy, có độc tố, người bị cắn có thể bị ngù mê), *cá mặt quý* (hình thức xấu xí giống mặt quý), *cá hàm ếch* (miệng giống với miệng ếch), *cá kim* (loại cá thân tròn, không vảy ở đầu mỏ có hình kim nhọn dài), *cá hồ* (loại cá nước ngọt quý hiếm ở vùng sông Mê Kông, lớn con, thịt ngon, vảy có ánh bạc, thân dẹt, thường có màu xám đen, miệng nhô ra phía trước), *cá cườm*

(loại cá nước ngọt to con, lưng hơi khom, màu đen, gần hai bên đuôi có những chấm đen tròn lớn giống hạt cườm); Tương tự, các từ *cá mỏng gà*, *cá hòa thượng*, *cá hòa tiên*, *cá kéo*, *cá bóng trâu*, *cá bóng lá tre*,... cũng được định danh theo đặc điểm hình thức nổi bật mang tính khu biệt với các loại khác cùng loại. Bên cạnh đó tên cá ở đây còn được định danh theo màu sắc, số lượng tên gọi thuộc kiểu này tương đối nhiều (97 tên, chiếm 18,6%), kiểu như: *cá bã trầu*, *cá linh tía*, *cá hồng*, *cá bẹ trắng*,... hoặc định danh theo 2 đặc điểm: số lượng, hình dáng hoặc màu sắc: *cá bảy màu*, *cá ba kì*,... Cá còn được định danh bằng nhiều đặc trưng khác rất đa dạng, ví như theo đặc điểm hoạt động (*cá nhét*,

cá chém cò, cá lúi, cá trên, cá lau kiếng), theo nguồn gốc (*cá chình Nhật, cá tra Xiêm, cá chép Ấn Độ, cá chuột Thái*), theo các thời kì sinh trưởng của cá (*cá rỗng rỗng, cá rô non, cá rô mè, cá lóc cứng*), theo tín ngưỡng (*cá linh*), theo môi trường sống (*cá chạch đất, cá chạch bùn, cá bống cát, cá bống dưa*), theo mục đích, chức năng sử dụng: *cá mồi* (là cá dùng để làm mồi câu hay như một số cá khác), *cá mắm* (là cá chuyên dùng để làm mắm),...

Đổi sánh các dấu hiệu (15 dấu hiệu) đặc trưng của con vật trong tiếng Việt theo tài liệu [10] và [4] với các dấu hiệu thể hiện qua từ chỉ tên gọi các loại cá ở Đồng Tháp, chúng tôi thấy sự phân bố về số lượng từng đặc điểm không có gì khác. Nhiều nhất là đặc điểm về hình thức, hình dạng, sau đó là màu sắc cơ thể và các đặc trưng dấu hiệu khác như đã thống kê ở bảng trên. Tất nhiên các dấu hiệu đặc điểm không tương ứng với nhau. Có sự đặc biệt là, trong những đặc điểm định danh các loại cá ở Đồng Tháp Mười có yếu tố thuộc về tín ngưỡng (*cá linh*) và yếu tố chỉ đặc điểm hoạt động (*cá nhét, cá trên, cá chém cò, cá lau kiếng*) mà trong hai tài liệu trên không nêu.

Ngoài ra, cá còn được định danh ứng với từng giai đoạn phát triển khác nhau. Chẳng hạn cùng là giống cá lóc, nhưng ứng với từng giai đoạn phát triển người ta chia ra:

- *Cá lòng vòng*: cá lóc con, có màu đỏ, bơi lòng vòng thành đàn.

- *Cá lóc cọt*: cá lóc đã qua giai đoạn lòng vòng, không cần cá mẹ giữ, lớn khoảng bằng ngón tay cái.

- *Cá lóc cứng*: cá lóc đã qua giai đoạn cá lóc cọt, to khoảng bằng cổ tay con nít.

Hay các giai đoạn phát triển của cá tra gồm:

- *Cá tra bột*: cá tra con mới nở, nhỏ mịn như bột.

- *Cá hương*: cá tra con còn nhỏ, cỡ khoảng bằng đầu chân hương.

- *Cá phân*: cá tra con, có chiều dài từ 1cm đến 5cm.

- *Cá lú*: cá tra lớn hơn cá phân nhưng chưa đủ lớn để lấy thịt.

- *Cá thịt*: cá tra lớn, có thể lấy thịt để chế biến, sản xuất.

Điều này một lần nữa nói lên những đặc trưng lựa chọn mang tính biệt loại rõ ràng trong tri nhận của người Đồng Tháp Mười.

Khảo sát từ chỉ tên gọi các loại cá ở vùng Đồng Tháp Mười chúng tôi thấy có sự kết hợp và phân bậc trong khi định danh rất rõ ràng. Có thể kiểm chứng điều này qua một số trường hợp. Chẳng hạn, *cá ba kì đò* (hình dáng + màu sắc), *cá hồ đất* (hình dáng + môi trường sống), *cá sơn Xiêm* (hình dáng + nguồn gốc), *cá lóc bông* (hoạt động + hình dáng), *cá lóc bông cứng* (hoạt động + hình dáng + thời kì sinh trưởng),... Như vậy trong quá trình tri nhận và định danh, người Đồng Tháp Mười

không chỉ “xoay các mặt khác nhau của đối tượng về phía mình” [10, 114] để rồi chỉ chọn một đặc điểm mà cùng một lúc có thể chọn nhiều đặc điểm để đặt tên cho một đối tượng. Nói cách khác, họ đã xoay đối tượng định danh về phía mình nhiều lần: lần đầu để có tên gọi bậc 1 (mang tính khái quát), lần hai, ba để có tên gọi bậc 2, bậc 3,... (mang tính cụ thể). Số lượng bậc trong định danh hay nói cách khác, mức độ loại biệt hóa có thể khác nhau là tùy thuộc vào độ phong phú của các cá thể trong loài cần phải khu biệt về mặt định danh.

Từ loại	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Danh từ	311	60,38
Động từ	94	18,25
Tính từ	97	18,83
Từ loại khác	13	2,54
Tổng số	515	100

5. Qua khảo sát, có thể thấy được sự phong phú của lớp từ ngữ chỉ cá ở Đồng Tháp Mười phản ánh sự phong phú của hiện thực khách quan cũng như vai trò của chúng đối với đời sống xã hội. Bên cạnh đó, thông qua lớp từ ngữ gọi tên các loại cá, chúng ta cũng hình dung được phần nào cách lựa chọn các đặc trưng của sự vật, cách phân cắt thực tế khách quan để phản ánh vào ý nghĩa của từ. Sự lựa chọn các thuộc tính đặc trưng, cách phản ánh chúng vào ngôn ngữ đã thể hiện cách nhìn, lối tư duy về sự vật. Thông qua cách dùng phong phú các

4. Xem xét yếu tố hợp thành tổ hợp định danh các loại cá ở Đồng Tháp Mười về mặt từ loại, chúng tôi nhận thấy số lượng các yếu tố là danh từ hoặc có chứa danh từ (*cá mặt quỷ, cá hàm ếch, cá da bò, cá lưỡi trâu,...*) chiếm số lượng lớn 311/520 (chiếm tỉ lệ 66,38%). Số còn lại có thể là động từ (*cá lóc, cá leo, cá nhét, cá lạc,...*) hoặc tính từ (*cá vàng, cá trắng, cá đen, cá đại,...*). Điều này chứng tỏ rằng khi định danh nói chung và định danh các loại cá nói riêng, con người nơi đây thích lên hệ tới sự vật nhiều hơn. Kết quả cụ thể được tổng hợp trong bảng sau:

tên gọi cá có thể thấy, con người nơi miệt vườn Đồng Tháp không chỉ quen với lối tư duy phóng khoáng, đại khái theo hướng khái quát hóa, biểu trưng hóa mà mặt khác cũng quan sát sự vật tinh tường trong tính cá thể cụ thể, đó cũng là thói quen của lối tư duy cụ thể, chi tiết, rạch ròi. Đặc biệt, trong khi tư duy và tri nhận, qua các thuộc tính, đặc điểm được lựa chọn gọi tên, ta thấy con người nơi đây hay liên hệ tới sự vật gần gũi xung quanh mình. Những nét văn hóa ấy vừa là chung nhưng cũng rất riêng của người miệt vườn Đồng Tháp Mười - Nam Bộ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Trọng Canh, *Câu chuyện về cách gọi tên "cá" trong phương ngữ Nghệ Tĩnh*, Ngữ học toàn quốc, Cần Thơ, 2009.
2. Hoàng Trọng Canh, *Từ địa phương Nghệ Tĩnh về một khía cạnh ngôn ngữ - văn hóa*, Nxb KHXH, H., 2009.
3. Đỗ Hữu Châu, *Cơ sở ngữ nghĩa học từ vựng*, Nxb GD, H., 1998.
4. Nguyễn Thúy Khanh, *Đặc điểm định danh tên gọi động vật trong tiếng Việt*, Văn hóa dân gian, Số 1, 1994.
5. Trần Thị Ngọc Lang, *Phương ngữ Nam Bộ - Những khác biệt về từ vựng ngữ nghĩa so với phương ngữ Bắc Bộ*, Nxb KHXH, H., 1995.
6. Hoàng Phê (chủ biên), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb KHXH - TTTĐH, H., 1994.
7. Lý Toàn Thắng, *Ngôn ngữ và sự tri nhận không gian*, T/c Ngôn ngữ, Số 4, 1994.
8. Lý Toàn Thắng, *Ngôn ngữ học tri nhận: Từ lí thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt*, Nxb KHXH, H., 2005.
9. Huỳnh Công Tín, *Từ điển từ ngữ Nam Bộ*, Nxb Chính trị Quốc gia, H., 2009.
10. Nguyễn Đức Tồn, *Tìm hiểu đặc trưng văn hóa dân tộc của ngôn ngữ và tư duy ở người Việt (Trong sự so sánh với những dân tộc khác)*, Nxb ĐHQG, H., 2002.
11. Hồ Xuân Tuyên, *Một số phương thức định danh trong phương ngữ Nam Bộ*, T/c Ngôn ngữ, Số 8, 2008.
12. Phạm Đình Văn, *Điều tra thành phần loài và xây dựng bộ mẫu về các loài cá có giá trị kinh tế trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp*, Đề tài KHCN cấp Bộ, mã số B.2009-20-18, 2010.
13. Nguyễn Như Ý (chủ biên), *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học*, Nxb GD, H., 1996.